TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03/4/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà, bà Phạm Thị Nguyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị H**, sinh năm 1989;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đ, thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- Bị đơn: Anh **Lê Huy H1**, sinh năm 1983;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đ, thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Lê Huy M**, sinh năm 1960; Địa chỉ: Đ, thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

+ Bà **Chu Thị H2**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương (đồng thời là người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận văn bản).

Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày: Chị và anh Lê Huy H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 23/7/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng. Năm 2013 anh H1 đi lao động ở Đài Loan để tạo dựng kinh tế gia đình, tuy nhiên sau khi sang Đài Loan anh không gửi tiền về cho vợ con, ít quan tâm đến gia đình và đã có người phụ nữ khác. Chị H nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không thay đổi dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Năm 2017 chị cũng sang Đài Loan lao động nhưng vợ chồng không sống cùng nhau, không liên lạc và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung nên đã chấm dứt liên lạc từ cuối năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Huy H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung là Lê Huy B, sinh ngày 03/3/2011 và Lê Huy Đức M1, sinh ngày 15/6/2013, hiện các con đang ở nhà ông bà nội. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Huy B, nhất trí giao con Lê Huy Đức M1 cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian chị và anh H1 không có mặt ở Việt Nam, chị ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Chu Thị H2 thay chị chăm sóc con Lê Huy B và nhất trí giao con Lê Huy Đức M1 cho ông Lê Huy M chăm sóc cho đến khi anh, chị về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan, chị ủy quyền cho bà Chu Thị H2 thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ông Lê Huy M và bà Đào Thị K trình bày: Ông, bà là bố, mẹ đẻ anh Lê Huy H1. Chị H và anh H1 kết hôn năm 2010, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông, bà. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, nguyên nhân chủ yếu là do chị H ghen tuông vô cớ. Năm 2013 anh H1 đi lao động tại Đài Loan, năm 2017 chị H sang Đài Loan nhưng do tính chất công việc nên mỗi người ở một nơi, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, gia đình nhiều lần động viên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị H làm đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn, ông nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo

cho anh H1 biết, anh H1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài không thể hòa hợp được nên anh nhất trí ly hôn. Anh H1 xác định vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Anh đề nghị mỗi người nuôi một con, chị Hà N nuôi con Lê Huy B thì anh nuôi con Lê Huy Đức M1 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh và chị H không có mặt tại Việt Nam, anh nhất trí để các con ở với bà Chu Thị H2 và ông Lê Huy M cho đến khi anh, chị về nước; tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị được giải quyết vắng mặt. Ngoài ra, ông Lê Huy M trình bày, ông nhất trí có trách nhiệm chăm sóc cháu Lê Huy Đức M1 cho đến khi anh H1 về nước.

Bà Chu Thị H2 trình bày: Bà là mẹ đẻ chị H, bà nhất trí nhận ủy quyền của chị H, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho chị H biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm theo đơn khởi kiện và đề nghị được giải quyết vắng mặt. Đồng thời bà đồng ý nhận sự ủy quyền của chị H chăm sóc cháu Lê Huy B cho đến khi chị H về nước.

Cháu Lê Huy B, cháu Huy Đức M1 trình bày ý kiến đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị H, anh H1 đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình chung sống được một thời gian ngắn thì anh H1 đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, sau đó chị H cũng đi lao động ở nước ngoài, sáu đó một vài lần về phép nhưng chị không về nhà chồng mà về nhà bố mẹ đẻ ở, đến nay anh chị chưa về nước. Nay chị H có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Theo xác minh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh: Chị Đặng Thị H đã xuất cảnh ngày 21/02/2025, anh Lê Huy H1 đã xuất cảnh ngày 09/11/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật

Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Đặng Thị H ly hôn anh Lê Huy H1; về con chung: giao con chung Lê Huy B cho chị Đặng Thị H nuôi dưỡng, giao con Lê Huy Đức M1 cho anh Lê Huy H1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu Lê Huy B cho bà Chu Thị H2, tạm giao cháu Lê Huy Đức M1 cho ông Lê Huy M chăm sóc cho đến khi chị H, anh H1 về nước. Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị H và bị đơn anh Lê Huy H1 có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại đội 6, thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương, hiện anh, chị đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn chị Đặng Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Lê Huy H1 đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Huy M và bà Chu Thị H2 đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Lê Huy H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 23/7/2010 là hôn nhân hợp pháp. Chị H trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung và phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, bên cạnh đó năm 2013 anh H1 đi lao động tại Đài Loan đã có người phụ nữ khác nên ít quan tâm đến gia đình vợ con. Năm 2017 chị cũng sang Đài Loan lao động nhưng vợ chồng không sống cùng nhau, mâu thuân không được cải thiện nên anh chị chấm dứt liên lạc từ cuối năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H1. Anh H1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Ông Lê Huy M là bố đẻ anh H1 trình bày về

mâu thuẫn và thời điểm sống ly thân của anh H1, chị H phù hợp với lời khai của chị H. Do đó có đủ cơ sở xác định quá trình chị H, anh H1 chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh H1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Lê Huy B, sinh ngày 03/3/2011 và Lê Huy Đức M1, sinh ngày 15/6/2013, hiện các con đang ở với ông Lê Huy M. Chị H đề nghị giao cho chị nuôi dưỡng con Lê Huy B, giao cho anh H1 nuôi dưỡng con Lê Huy Đức M1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, trong thời gian chị và anh H1 lao động ở nước ngoài đề nghị tạm giao các con cho bà Chu Thị H2, ông Lê Huy M chăm sóc cho đến khi chị và anh H1 về nước. Ông Lê Huy M bố đẻ của anh H1 trình bày, anh H1 có quan điểm giải quyết về con chung khi ly hôn giống như chị H đề nghị. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị H, anh H1 đi lao động ở nước ngoài thì hai cháu Đức M1, Huy Bảo do ông Lê Huy M trực tiếp chăm sóc, điều kiện sinh hoạt, môi trường sống đảm bảo, ổn định. Chị H, anh H1 hiện nay đều đang lao động ở nước ngoài, do đó để đảo bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H: Giao con chung Lê Huy B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Lê Huy Đức M1 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm giao cháu Lê Huy B cho bà Chu Thị H2, tạm giao cháu Lê Huy Đức M1 cho ông Lê Huy M chăm sóc cho đến khi chị H, anh H1 về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Đặng Thị H ly hôn anh Lê Huy H1.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Huy B, sinh ngày 03/3/2011 cho chị Đặng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lê Huy Đức M1, sinh ngày 15/6/2013 cho anh Lê Huy H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị H, anh H1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu Lê Huy B cho bà Chu Thị H2, tạm giao cháu Lê Huy Đức M1 cho ông Lê Huy M nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị H, anh H1 về Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0005503 ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy